

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 27/3/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hải;

Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2018/TLST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (B Bank); Trụ sở: Tòa nhà C, số 109 đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Thành V - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch DK trực thuộc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh K ; Địa chỉ: Thôn P 1, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 754/2018/UQ-LienVietPostBank ngày 12/9/2018 của Ngân hàng TMCP B Chi nhánh K). Ông V có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Tiến D - Sinh năm: 1982;

Trú tại: Thôn Q2, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10.09.2018 (nộp ngày 19/9/2018) và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành V trình bày:*

Ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Ngân hàng B - Chi nhánh K; địa chỉ: 69-71 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Ngân hàng B và ông Đỗ Tiến D đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 61015/2019/TTTD-CCVCV. Theo đó Ngân hàng cho ông Đỗ Tiến D vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 31/12/2015 đến ngày 31/12/2018), phương thức vay là cho vay từng lần, mục đích vay là Tiêu dùng – Mua sắm đồ gia dụng. Lãi suất cho vay là 1%/tháng tương đương 12%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng B và mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 15 trong vòng 36 tháng, chia làm 36 phân kỳ, từ kỳ 1 đến kỳ 35 trả: 840.000đ/kỳ, kỳ 36 trả 600.000đ/kỳ. Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 15 trong vòng 36 tháng. Thời điểm bắt đầu trả gốc và lãi là vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15 tháng 01 năm 2016. Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước vay nợ thì ông Đỗ Tiến D đã nhận đủ số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và sau đó đã trả được 14.421.201đ (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm lẻ một đồng) trong đó tiền gốc: 10.920.000đ; tiền lãi: 3.501.201đ. Từ ngày 15 tháng 02 năm 2017, ông Đỗ Tiến D không trả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần có thông báo nhắc nợ đối với ông D nhưng ông D không trả.

Tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2019, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền là 27.401.464đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là: 19.080.000đ (Mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Nợ lãi: 8.321.464đ (Tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đỗ Tiến D trả làm một lần số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 28 tháng 3 năm 2019 cho đến khi trả hết số nợ.

Đối với bị đơn ông Đỗ Tiến D: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Tiến D theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông D thực hiện

các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Đỗ Tiến D. Ông D cư trú tại Thôn Q 2, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Đỗ Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai cùng các tài liệu chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng TMCP B và ông Đỗ Tiến D đã ký “*Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 61015/2019/TTTD-CCVCV*”. Theo đó Ngân hàng cho ông Đỗ Tiến D vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 31/12/2015 đến ngày 31/12/2018), phương thức vay là cho vay từng lần, mục đích vay là Tiêu dùng – Mua sắm đồ gia dụng, hình thức vay tín chấp. Lãi suất cho vay là 1%/tháng tương đương 12%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng B và mức lãi suất điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng vào

ngày 15 trong vòng 36 tháng, chia làm 36 phân kỳ; từ kỳ 1 đến kỳ 35 trả: 840.000đ/kỳ, kỳ 36 trả 600.000đ/kỳ. Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 15 trong vòng 36 tháng. Thời điểm bắt đầu trả gốc và lãi là vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15 tháng 01 năm 2016. Theo hợp đồng, ông Đỗ Tiến D đã nhận đủ số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và sau đó đã trả được số tiền là 14.421.201đ (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm lẻ một đồng), trong đó tiền gốc: 10.920.000đ; tiền lãi: 3.501.201đ. Từ ngày 15 tháng 02 năm 2017, ông D không trả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông D thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông D vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện việc thanh toán nợ. Tính đến ngày xét xử (ngày 27 tháng 3 năm 2019) ông D còn nợ Ngân hàng số tiền 27.401.464đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là: 19.080.000đ (Mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Nợ lãi là 8.321.464đ (Tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông D phải trả một lần toàn bộ số tiền trên và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 28/3/2019 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc của Hợp đồng.

Xét thấy Hợp đồng được giao kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử công nhận “Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 61015/2019/TTTD-CCVCV ngày 31 tháng 12 năm 2015” giữa Ngân hàng TMCP B với ông Đỗ Tiến D là hợp pháp. Việc ông D không thanh toán nợ cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng TMCP B khởi kiện là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Tiến D trả số tiền nợ 27.401.464đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 19.080.000đ (Mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Nợ lãi tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2019 là 8.321.464đ (Tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Ngoài ra, ông D còn phải trả cho Ngân hàng TMCP B tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 28 tháng 3 năm 2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 61015/2019/TTTD-CCVCV ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã ký.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Bị đơn, ông Đỗ Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật là: 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Đỗ Tiến D phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 27.401.464đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 19.080.000đ (Mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); Nợ lãi tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2019 là 8.321.464đ (Tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Ngoài ra ông D còn phải trả cho Ngân hàng TMCP B tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 28/3/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 61015/2019/TTTD-CCVCV ngày 31 tháng 12 năm 2015 mà các bên đã ký.

2. Án phí: Ông Đỗ Tiến D phải chịu 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014423 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vi Nhật Hoàng